

Số: 84/KH-KHCN

Bắc Giang, ngày 20 tháng 6 năm 2019

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035

Thực hiện Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa và triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035. Xác định rõ nội dung, nhiệm vụ cụ thể, tiến độ và thời gian hoàn thành, phân công rõ trách nhiệm cho các phòng, đơn vị trực thuộc Sở trong việc triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ đã đề ra.

2. Yêu cầu

Triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch, phân công nhiệm vụ từng đơn vị và thời gian.

II. NỘI DUNG

1. Tuyên truyền phổ biến Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035 và các văn bản có liên quan

Triển khai các hoạt động tuyên truyền phổ biến về Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035 và các văn bản liên quan đảm bảo phù hợp, hiệu quả.

Giao Trung tâm Ứng dụng KH&CN chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị thực hiện nhiệm vụ thường xuyên hàng năm.

2. Phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc trưng

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu- ứng dụng KH&CN trong sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm chủ lực, đặc trưng của tỉnh; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, mẫu mã sản phẩm; nhân rộng mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP hướng tới đạt tiêu chuẩn xuất khẩu; cụ thể:

- Nhóm sản phẩm chủ lực:

+ Cây vải thiều: tập trung tại các huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Tân Yên.

+ Cây cam: tập trung tại các huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Sơn Động.

+ Cây bưởi: tập trung tại các huyện Lục Ngạn, Hiệp Hòa, Lục Nam, Tân Yên.

+ Cây lúa: tập trung tại các huyện Lục Nam, Hiệp Hòa, Yên Dũng, Lạng Giang, Việt Yên, Tân Yên.

+ Cây rau màu: tập trung tại các huyện Lục Nam, Hiệp Hòa, Tân Yên, Lạng Giang, Việt Yên, Yên Dũng.

+ Cây gỗ: sản phẩm gỗ khai thác được đưa vào chế biến sâu phục vụ xuất khẩu.

+ Con lợn: Chú trọng chăn nuôi trang trại tập trung quy mô lớn theo hình thức công nghiệp, bán công nghiệp, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm; sản phẩm thịt lợn đủ tiêu chuẩn đưa vào chế biến phục vụ cho thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu. Tập trung tại các huyện Tân Yên, Sơn Động, Lục Nam, Lạng Giang, Hiệp Hòa, Yên Thế.

+ Con gà: Chú trọng chăn nuôi trang trại tập trung quy mô lớn theo hình thức công nghiệp, bán công nghiệp, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm; sản phẩm thịt gà, chế biến đủ tiêu chuẩn (qua giết mổ có kiểm tra ATVSTP) phục vụ thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu. Tập trung tại các huyện Yên Thế, Tân Yên, Lục Nam, Hiệp Hòa, Lục Ngạn, Lạng Giang, Sơn Động.

- Nhóm sản phẩm đặc sản địa phương (sản phẩm OCOP): tập trung hoạt động nghiên cứu- ứng dụng KH&CN vào các sản phẩm như: vải thiều Lục Ngạn, rượu làng Vân, mỳ Chũ,...

Giao Phòng Quản lý Khoa học chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị thực hiện nhiệm vụ thường xuyên hàng năm.

3. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa vào các khâu của sản xuất nông nghiệp

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác lựa chọn, nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước, trong đó ưu tiên các nhiệm vụ gắn với dự án nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm và chuyển giao các quy trình công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp.

Nghiên cứu, ứng dụng rộng rãi quy trình kỹ thuật tiên tiến, biện pháp thâm canh bền vững, công nghệ sản xuất sạch, công nghệ sinh học, nông nghiệp hữu cơ, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và cơ giới hóa vào sản

xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến. Tổng kết thực tiễn, đánh giá hiệu quả các mô hình chuyển giao, ứng dụng để nhân rộng.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tự tổ chức nghiên cứu, chuyển giao hoặc hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp để chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Hàng năm tổ chức ít nhất từ 01- 02 đoàn đi học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước về ứng dụng công nghệ cao, khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp. Quan tâm hợp tác quốc tế về nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao KH&CN trong nông nghiệp để vận dụng phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

Giao Phòng Quản lý Khoa học chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị thực hiện nhiệm vụ thường xuyên hàng năm.

Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi có ưu thế vượt trội, thích ứng với biến đổi khí hậu vào sản xuất; quy trình kỹ thuật tiên tiến, biện pháp thâm canh bền vững, công nghệ sản xuất sạch, công nghệ sinh học, nông nghiệp hữu cơ, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; cơ giới hóa vào các khâu của sản xuất nông nghiệp. Hàng năm tổ chức từ 05-10 lớp đào tạo bồi dưỡng kiến thức khoa học kỹ thuật cho nông dân và hỗ trợ nông dân kết nối, tiếp cận với các dịch vụ KH&CN.

Giao Trung tâm Ứng dụng KH&CN học chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị thực hiện nhiệm vụ thường xuyên hàng năm.

4. Tăng cường hỗ trợ đầu tư, mở rộng quy mô, diện tích sản xuất sản phẩm sạch, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm

Ứng dụng KH&CN góp phần mở rộng diện tích sản xuất rau an toàn, diện tích sản xuất vải theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; chăn nuôi lợn, gà, bò, thỏ theo hình thức trang trại, gia trại tập trung, an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học; nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP.

Tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các loại phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, giảm sử dụng các loại phân bón vô cơ, hóa chất bảo vệ thực vật; thực hiện tốt các biện pháp phòng, trừ sâu bệnh để nâng cao chất lượng, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm cho nông sản.

Giao Phòng Quản lý Khoa học chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị thực hiện nhiệm vụ thường xuyên hàng năm.

Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành có liên quan tăng cường công tác quản lý sản xuất, cung ứng giống, vật tư, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật; kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm đối với cơ sở chế biến, kinh doanh nông sản.

Giao Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị thực hiện nhiệm vụ thường xuyên hàng năm.

5. Nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức, liên kết sản xuất

Lồng ghép các nội dung triển khai trong các nhiệm vụ KH&CN nhằm xây dựng mô hình tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết chặt chẽ theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ giữa nông dân, HTX, tổ hợp tác, liên hiệp HTX với doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò nòng cốt, nhất là tại các vùng sản

xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm chủ lực, nhằm tạo ra sản phẩm đồng nhất về chất lượng trên cơ sở đồng nhất về giống và công nghệ sản xuất.

Khuyến cáo nhân rộng các hình thức tổ chức sản xuất, chuỗi giá trị đã hình thành có hiệu quả, phù hợp với thực tiễn phát triển nông nghiệp ở địa phương.

Triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được phân công trong Đề án “Chương trình mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030 (Chương trình OCOP).

6. Đẩy mạnh quảng bá, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, bao bì, nhãn mác và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm

Xây dựng chính sách hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp và phát triển nhãn hiệu cho các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2020-2025.

Giao Phòng Quản lý chuyên ngành chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị thực hiện nhiệm vụ trong năm 2020.

Hỗ trợ các địa phương, tổ chức, doanh nghiệp, HTX,... xây dựng, đăng ký, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, bảo hộ thương hiệu sản phẩm, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu sản phẩm nông sản của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2030 có 90% số sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp.

Hỗ trợ bao bì, nhãn mác, tem truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm nông nghiệp, góp phần nhằm giúp các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh có bao bì, tem nhãn riêng.

Giao Phòng Quản lý chuyên ngành chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị thực hiện nhiệm vụ thường xuyên hàng năm.

Nghiên cứu xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật địa phương cho nông sản hàng hóa chủ lực của tỉnh.

Giao Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị thực hiện nhiệm vụ thường xuyên năm 2020.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ nội dung của Kế hoạch, các phòng, đơn vị trực thuộc Sở nghiêm túc thực hiện, có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ triển khai có hiệu quả Kế hoạch này. Định kỳ 1 năm (trước ngày 20/12 hàng năm) gửi báo cáo kết quả thực hiện về Phòng Kế hoạch Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, KHTC.

Bản điện tử:

- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Dương Văn Thái (b/c);
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Kiên

CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 401-NQ/TU NGÀY 03/4/2019 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035

(Kèm theo Kế hoạch số 84/KH-KHCN ngày 20/6/2019 của Sở Khoa học và Công nghệ)

Số TT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp trình	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Công tác tổ chức quán triệt, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết						
1	Tổ chức phổ biến, quán triệt, học tập Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở			Quý II/2019	100% cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động được phổ biến, quán triệt Nghị quyết
2	Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03/4/2019 của BTV Tỉnh ủy	Phòng Kế hoạch Tài chính	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Giám đốc Sở	Kế hoạch	30/6/2019	
II	Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa vào các khâu của sản xuất nông nghiệp						
1	Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác lựa chọn, nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước, trong đó ưu tiên các nhiệm vụ gắn với đề án, dự án nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm và chuyển giao các giống mới, quy trình công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp	Phòng Quản lý Khoa học	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở			Hàng năm	
2	Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khoa học kỹ thuật cho nông dân và hỗ trợ nông dân kết nối, tiếp cận với các dịch vụ KH&CN. Hàng năm tổ chức từ 05-10 lớp đào tạo bồi dưỡng	Trung tâm ứng dụng KH&CN	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở			Hàng năm	

	kiến thức khoa học kỹ thuật cho nông dân và hỗ trợ nông dân kết nối, tiếp cận với các dịch vụ KH&CN.						
3	Đề xuất trình Dự án ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình chăn nuôi các giống thỏ nhập khẩu và chế biến theo chuỗi giá trị tại tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2025	Phòng Quản lý Khoa học	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt dự án	Năm 2020	
4	Đề xuất trình Dự án ứng dụng KH&CN sản xuất giống và nuôi thương phẩm giống lợn có nguồn gốc Đan Mạch tại Bắc Giang giai đoạn 2020-2030	Phòng Quản lý Khoa học	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt dự án	Năm 2020	
5	Đề xuất trình Dự án ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình chăn nuôi ngựa bạch sinh sản và lấy thịt theo hướng hàng hóa tại tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2030	Phòng Quản lý Khoa học	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt dự án	Năm 2020	
6	Đề xuất trình Dự án ứng dụng công nghệ vi sinh xây dựng mô hình chế biến thức ăn dạng lỏng từ cỏ và phụ phẩm khác, nâng cao chất lượng thịt trong chăn nuôi lợn quy mô trang trại tại tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2030	Phòng Quản lý Khoa học	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt dự án	Năm 2021	
7	Đề xuất trình Dự án ứng dụng KH&CN trong bảo quản, chế biến khoai tây phục vụ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu tại tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2030	Phòng Quản lý Khoa học	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt dự án	Năm 2021	

8	Đề xuất trình Dự án phát triển vùng chè gắn với thương hiệu chè Yên Thế (PH8, PH11, VN15, TLI 5.0, Hương Bắc Sơn) phục vụ xuất khẩu giai đoạn 2021-2025	Phòng Quản lý Khoa học	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt dự án	Năm 2021	
9	Đề xuất trình Dự án xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho một số sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng của tỉnh giai đoạn 2020-2025	Phòng Quản lý Khoa học	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt dự án	Năm 2020	
10	Đề xuất trình nhiệm vụ xây dựng chỉ dẫn địa lý cho cam Lục Ngạn	Phòng Quản lý Khoa học; Quản lý chuyên ngành	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt dự án	Năm 2020	
III	Đẩy mạnh quảng bá, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, bao bì, nhãn mác và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm						
1	Quy định chính sách hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp và phát triển nhãn hiệu cho các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025	Phòng Quản lý chuyên ngành	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	UBND tỉnh	Quyết định	Năm 2020	
2	Nghiên cứu xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật địa phương cho nông sản hàng hóa chủ lực của tỉnh	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	UBND tỉnh	Quyết định	Năm 2020	